

**CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT**

**QUỸ ETF BVFVN DIAMOND**

----\*\*\*----

Số: 605/2024/BVF-QLDM

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên Công ty Quản lý Quỹ: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT (BVF)**
  - Tên quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF BVFVN DIAMOND.**
  - Mã chứng khoán: **FUEBFVND**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
  - Điện thoại: 024 3928 9589 Fax: 024 3928 9590
  - Email: [baovietfund@baoviet.com.vn](mailto:baovietfund@baoviet.com.vn)
  - Website: <https://baovietfund.com.vn/>

Loại thông tin công bố: Định kỳ

- Nội dung thông tin công bố:  
Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ 06 tháng đầu năm 2024 Quỹ ETF BVFVN DIAMOND.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn "<https://baovietfund.com.vn/cong-bo-thong-tin>".

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tổng kết hoạt động  
Quản lý Quỹ BVFVND 06  
tháng đầu năm 2024.

**TM. QUỸ ETF BVFVN DIAMOND**  
**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTP**



**Nguyễn Tiến Hải**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số: 406/2024/BVF-QLDM

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**  
**HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**  
(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:**

- Tên quỹ:	<b>Quỹ ETF BVFVN DIAMOND</b> Viết tắt: BVFVND
- Loại hình quỹ:	Quỹ Hoán đổi danh mục.
- Mục tiêu đầu tư:	Mô phỏng gần nhất có thể biến động của chỉ số tham chiếu.
- Thời gian hoạt động:	Được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép thành lập Quỹ 29/06/2023, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.
- Benchmark:	Chỉ số tham chiếu VNDIAMOND
- Số lượng đơn vị quỹ:	Bốn triệu (4,000,000) Chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành
- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	<b>Đại hội Nhà đầu tư năm 2024:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán của Quỹ.</li><li>- Thông qua ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ.</li><li>- Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán trong Tờ trình của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt và lựa chọn Công ty TNHH Ernst&amp;Young Việt Nam làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVFVND cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.</li></ul>





<p>- Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại TT hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.</li> <li>- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.</li> <li>- Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.</li> <li>- Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.</li> </ul>
---	--

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư):

❖ Theo tài sản:

Cơ cấu tài sản Quỹ	30/06/2024 (%)
Cổ phiếu	96.38
Trái phiếu	0
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn	3.55
Tài sản khác	0.07
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ:

	30/06/2024
GTTSR	54,606,316,939

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

	30/06/2024 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ	13,651.57

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	<b>30/06/2024</b>
Số CCQ	4,000,000

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp trong năm:

	<b>06 tháng 2024 (VNĐ/CCQ)</b>
GTTSR/CCQ cao nhất	14,113.38
GTTSR/CCQ thấp nhất	11,118.38

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	06 tháng 2024 (VNĐ)
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán ( <i>giá trị lãi vốn/chênh lệch đánh giá lại</i> )	7,489,330,605
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán ( <i>cổ tức, tiền gửi...</i> )	733,206,812
Chênh lệch mua bán chứng khoán	2,584,488,245
Thu nhập khác	0
Tổng chi phí	678,427,718
<b>Tổng lợi nhuận</b>	<b>10,128,597,944</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (*giá trị thuần và giá trị gộp*) trong kỳ báo cáo: không có
- Thời điểm phân chia lợi nhuận trong kỳ báo cáo: không có. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận trong 03 năm gần nhất:

<b>GTTSR tại kỳ định giá ngày 30/06/2024</b> ( <i>trước khi ghi nhận giá trị lợi nhuận được phân chia</i> )	13,651.57 VNĐ/CCQ
--	----------------------

- Tỷ lệ chi phí hoạt động ca quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

<b>Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2024</b>	<b>2,68%</b>
---	--------------

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

<b>Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2024</b>	<b>52,51%</b>
---	---------------

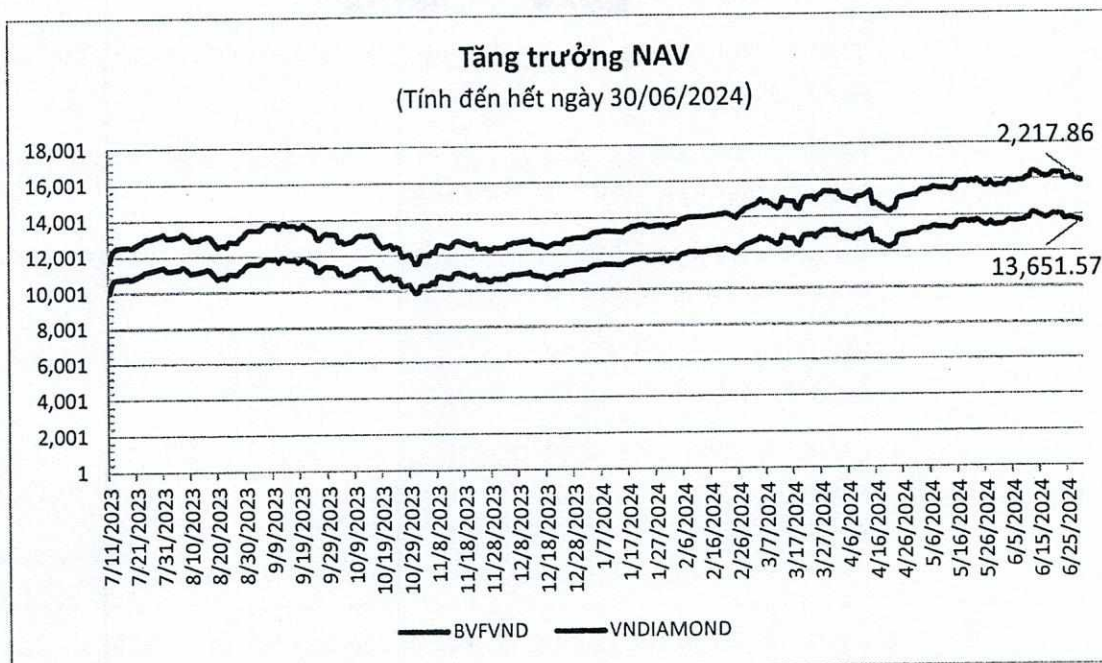


- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/ reverse repo: không có
- b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:
  - Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:
    - Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): 15,57 tỷ VND.
    - Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): 15,57 tỷ VND.
    - Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): 15,57 tỷ VND.
- c. Các chỉ tiêu so sánh khác:
  - Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định tại phụ lục 4 về nguyên tắc, phương pháp định giá và chi tiết hơn tại Sổ tay định giá do Công ty Quản lý quỹ xây dựng và Ban đại diện Quỹ phê duyệt.
  - Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.
- d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- b. NAV trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày 30/06/2024 là 13,651.57đ/ccq. Giá trị tài sản ròng của Quỹ đạt 54,606,316,939 đồng. Tăng trưởng NAV của Quỹ tiếp tục bám sát tăng trưởng chỉ số VNDIMOND.
- c. Kết quả lợi nhuận của quỹ (bằng đồ thị): (cập nhật)





- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (*bằng đồ thị*): không có
- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Chiến lược đầu tư	
<b>Mô tả</b>	<p>Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động trên cơ sở mô phỏng chỉ số VN DIAMOND để đạt được mục tiêu đầu tư. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi, Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỉ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ Số Tham Chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.</p> <p>Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu, tỉ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN DIAMOND và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của VN DIAMOND. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với chỉ số VN DIAMOND không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HSX và các quy định của pháp luật.</p> <p>Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm</p>



Quỹ được phép đầu tư vào các chứng khoán cơ cấu của chỉ số VN DIAMOND và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán của Việt Nam và chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán Quỹ đang nắm giữ

f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ	30/06/2024	31/12/2023
Cổ phiếu	96.38%	99.73%
Trái phiếu	3.55%	0.00%
TGTT và tài sản khác	0.07%	0.27%

g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có): không có

h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô:

- Tiếp nối đà hồi phục trong Quý I/2024 (5,66%), nền kinh tế đã ghi nhận kết quả rất tích cực trong Quý II/2024 khi tăng trưởng GDP đạt 6,93% YoY, mức tăng cao thứ 2 đối với Quý II trong vòng 10 năm trở lại đây.
- Tại thời điểm tháng 06/2024, chỉ số PMI (sản xuất) ghi nhận kết quả đột biến so với giai đoạn 5 tháng/2024 với mức 54,7 điểm (bình quân 5 tháng/2024 là 50,2 điểm).
- Trong giai đoạn 1H/2024, lạm phát toàn phần có xu hướng tăng khá mạnh so với kết quả cùng kỳ năm 2023. Tuy nhiên Core CPI có xu hướng hạ nhiệt khá ổn định.



- Trong 1H/2024, tỷ giá USD/VND đã ghi nhận chuỗi tăng liên tục qua từng tháng. Tại thời điểm cuối tháng 06/2024, tỷ giá USD/VND (LNH) tăng 4,89% so với giá trị kết thúc năm 2023, trong đó Quý I/2024 tăng 2,15%, Quý II/2024 tăng 2,75%.
- Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện Quý II/2024 ghi nhận tăng trưởng khá tích cực ở mức 7,5% YoY, cao hơn tốc độ tăng trưởng của Quý I/2024 (5,2%), trong đó vốn đầu tư ở khu vực ngoài Nhà nước và vốn đầu tư ở khu vực FDI đạt kết quả tốt (tăng tương ứng 7,9% và 11,4%) nhưng vốn đầu tư ở khu vực Nhà nước chỉ tăng trưởng ở mức thấp (4,8%) tương tự như Quý I/2024.
- Trong 1H/2024, giá trị vốn FDI đăng ký mới và giá trị vốn FDI giải ngân lần lượt đạt 9,54 tỷ USD và 10,84 tỷ USD, tương ứng với các mức tăng 46,9% và 8,2% YoY. Việc thu hút vốn đầu tư FDI có dấu hiệu tích cực hơn so với thời điểm đầu năm 2024.
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Quý II/2024 ước đạt 97,2 tỷ USD, tăng 12,5% YoY. Tính trong 1H/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 190,08 tỷ USD, tăng 14,5% YoY, trong đó khu vực kinh tế trong nước chiếm 28,1%, tăng 20,6%, khu vực FDI chiếm 71,9%, tăng 12,3%.

#### Thị trường tiền tệ

- Trong Quý II/2024, lãi suất VNIBOR các kỳ hạn ngắn ( $\leq 3$  tháng) đã hình thành mặt bằng mới cao hơn đáng kể mặt bằng trong Quý I/2024 do hoạt động điều tiết thanh khoản của NHNN đối với hệ thống NHTM để thu hẹp chênh lệch giữa lãi suất VND và lãi suất USD.
- Trong 1H/2024, lãi suất huy động của các NHTM vận động theo 02 xu hướng trái ngược nhau, theo đó lãi suất giảm trong Quý I/2024 nhưng dần hồi phục trở lại trong Quý II/2024. Tuy nhiên mặt bằng lãi suất hiện hành vẫn thấp hơn mặt bằng lãi suất tại thời điểm cuối năm 2023 khoảng 20 – 50 bps (kỳ hạn 3 – 12 tháng của các NHTM lớn).

#### Thị trường Trái phiếu Chính phủ:

- Mặt bằng lãi suất TPCP các kỳ hạn trên thị trường sơ cấp và thứ cấp có xu hướng tăng nhẹ trong 1H/2024 tăng khoảng 20 – 50 bps so với mặt bằng tại thời điểm cuối năm 2023.
- Trong 1H/2024, KBNN đã phát hành 156.502 tỷ đồng TPCP, chủ yếu là kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm (các kỳ hạn 20 năm, 30 năm cũng được phát hành nhưng với giá trị thấp). Như vậy, kết thúc 1H/2024, KBNN đã phát hành được khoảng 39,1% kế hoạch năm 2024. Nhìn chung, nguyên nhân kết





quả phát hành TPCP còn thấp so với kế hoạch là do tốc độ giải ngân vốn từ NSNN vẫn đang khá chậm, KBNN duy trì lãi suất phát hành ở mức thấp.

#### Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp:

- Tính đến ngày CBTT 30/6/2024, có 33 đợt phát hành TPDN với tổng giá trị là 42.147 tỷ đồng. Nhóm ngành NHTM chiếm tới 91,3% quy mô phát hành trong tháng 06/2024. Lũy kế 1H/2024, tổng quy mô phát hành mới TPDN là 115.206 tỷ đồng trong đó, đóng góp chủ yếu vẫn bởi nhóm NHTM (63,9%). Tổng giá trị trái phiếu đã được mua lại là 64.930 tỷ đồng trong 1H/2024, trong đó nhóm NHTM chiếm 59,1%. Trong 2H/2024, tổng giá trị trái phiếu đến hạn là 139.765 tỷ đồng, riêng nhóm BĐS là 58.782 tỷ đồng.

#### Thị trường cổ phiếu:

- Kết thúc Quý II/2024, chỉ số VNI đóng cửa ở mức 1.245,32 điểm, tăng 10,21% so với thời điểm cuối năm 2023. Thanh khoản trên TTCP cơ bản được duy trì ở mức cao trong 1H/2024. GTGDKLBQ một phiên trong 1H/2024 đạt 21.993 tỷ đồng, cao hơn kết quả giai đoạn 2022 - 2023. NĐTNN đã bán ròng rất mạnh qua từng tháng trong giai đoạn 1H/2024 với tổng giá trị 47.959 tỷ đồng (chỉ tính giao dịch khớp lệnh) và hình thành chuỗi bán ròng liên tiếp kể từ tháng 07/2023 tới nay (tổng giá trị 70.843 tỷ đồng).
- Tại thời điểm cuối tháng 03/2024, P/E của chỉ số VNI được ghi nhận ở mức 16,77, xấp xỉ mức trung bình trong giai đoạn 2015 – 2023 (Max: ~22, Min: ~10,4, trung bình 16.9).

Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với loại tài sản là cổ phiếu:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Cổ tức được chia	732,249,600
2	Lãi bán các khoản đầu tư	2,584,488,245
3	Chênh lệch tăng/giảm đối với các khoản đầu tư chưa thực hiện	7,489,330,605
4	Thu nhập khác (lãi tiền gửi thanh toán)	957,212
5	Chi phí giao dịch mua/bán cổ phiếu	39,892,643



- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có): không có.
- j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.
- k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có.
- l. Các thông tin khác (nếu có): không có.

#### 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

(Chi phí từ ngày thành lập quỹ đến ngày 30/06/2024)		Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)		
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận		2.44%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập		2.28%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí		36.91%

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.
- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

(Chi phí từ ngày thành lập quỹ đến ngày 30/06/2024)		Số tiền
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)		246,731,549
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ:		99,000,000
Chi phí trả cho NH LK:		114,731,549
Chi phí trả cho ĐLCN:		33,000,000

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Theo đánh giá của các đơn vị nhận ủy quyền đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ





sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVFVND được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong 06 tháng đầu năm 2024 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (BVFVND).

Trân trọng./.

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT**  
**TUO. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHỤ TRÁCH BP QUẢN LÝ DANH MỤC**



**Nguyễn Tiến Hải**